

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày: 04/10/2018

V/v tranh chấp *hợp đồng giao
khoán đất trồng cây lâu năm*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Tuấn;
2. Ông Trần Hữu Trung.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 38/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng giao khoán đất trồng mới cây lâu năm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần N.

Địa chỉ: Xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đức T; địa chỉ: Đ, Hà Nội và ông Nguyễn Bá L - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần N (theo Giấy ủy quyền ngày 07/8/2017), có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967, có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị D: Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu B, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh (Giấy ủy quyền ngày 11/9/2018), có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Hứa Quang H (Hứa Mạnh H), sinh năm 1987; vắng mặt.

3.2. Anh Hứa Quang T (Hứa Mạnh T), sinh năm 1994; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hứa Mạnh H và anh Hứa Mạnh T: Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu B, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh (Giấy ủy quyền ngày 17/9/2018), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/8/2018 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày có nội dung:

Ngày 05/7/1999, Công ty Cổ phần N có ký hợp đồng giao khoán đất trồng cây ăn quả với bà D, số: 713/HĐK, thời gian giao nhận khoán là 50 năm, diện tích là 2,13 ha, địa điểm nhận khoán tại khu Núi 1, đội Triều Bình thuộc xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Theo Hợp đồng, sau 07 năm nhận đất khoán kể từ năm 1994 (Biên bản giao đất từ tháng 01/1994), bà D phải thực hiện nộp nghĩa vụ quản lý dự án 7% sản lượng bình quân hàng năm. Tuy nhiên, bà D mới thực hiện xong nghĩa vụ từ năm 2001 đến năm 2012, từ năm 2013 đến nay bà D chưa nộp tiền nghĩa vụ cho Công ty, vi phạm nghiêm trọng hợp đồng giao khoán và quy chế quản lý dự án.

Nông trường Đông Triều là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số: 308/NN-TCCB-QĐ, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, ngày 07/5/1993. Đến ngày 19/7/2005 Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, quyết định số: 1776/QĐ-BNN-TCCB về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Nông trường Đông Triều thành Công ty cổ phần. Tên gọi đầy đủ là Công ty cổ phần Giống vật nuôi cây trồng Đông Triều, được hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Ngày 22/6/2016 nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Secoin Quảng Ninh và được đổi tên là Công ty Cổ phần Nông trường Đông Triều như hiện nay. Theo quyết định số 2240/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 29/8/2013 về việc cho Công ty thuê đất giai đoạn 1 để phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản tại xã An Sinh, Bình Khê, Trảng Lương huyện Đông Triều, thời gian giao đất 50 năm kể từ ngày 19/7/2005 (Ngày quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước). Theo hợp đồng thuê đất số: 430/HĐTĐ ngày 28/11/2013 giữa Công ty với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, thì diện tích đất giao khoán cho hộ bà Nguyễn Thị D, thuộc diện tích đất của Công ty thuê của Ủy Ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, nên hộ bà D phải chịu tiền thuê đất, trên diện tích, vị trí đất theo quy định của Sở Tài chính - Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Công ty đã thông báo nhiều lần nhưng chủ hộ không thực hiện nghĩa vụ. Tổng số nợ là **43.409.011 đồng**, gồm các khoản như sau:

- + Tiền thuê đất là: 28.755.000 đồng
- + Nghĩa vụ 7% quản lý vùng là: 5.049.276 đồng
- + Tiền lãi: 9.604.736 đồng. (Trong đó tiền lãi chậm nộp tiền thuê đất là 8.583.927đ, tiền lãi chậm nộp nghĩa vụ 7% quản lý vùng là: 1.020.809đ).

(Có kê chi tiết cụ thể các khoản kèm theo).

Để đảm bảo lợi ích hợp pháp và chính đáng, Công ty đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều buộc chủ hộ nhận khoán trên phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng với Công ty là: **43.409.011** đồng.

Công ty yêu cầu bổ sung số tiền lãi đến ngày xét xử (Ngày 04/10/2018) là: 632.884đ. Trong đó tiền lãi chậm nộp đối với tiền thuê đất là: 552.096đ, lãi chậm nộp 7% quản lý vùng là: 80.788đ.

Tổng số tiền phải trả đến ngày xét xử là: 44.041.896đ (Bốn mươi tư triệu không trăm bốn mươi một nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng).

Tại Bản tự khai ngày 19/12/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị Dung trình bày có nội dung:

Năm 1994 hộ gia đình tôi được Nông trường Quốc Doanh Đông Triều giao đất theo hồ sơ giao khoán đất trồng cây vải thiều theo dự án 327 của Chính phủ đã khuyến khích các tổ chức cá nhân trồng cây phủ xanh đất trống, đồi trọc đã được miễn thuế từ năm 2003 đến năm 2010 (Lần 1). Trong thôn các hộ dân là cư dân địa phương là công nhân nông trường họ đã được miễn thuế. Tôi nghĩ đã là cùng một dự án thì mọi quyền lợi và nghĩa vụ phải giống nhau, không phân biệt công nhân hay nông dân. Về yêu cầu khởi kiện, buộc chủ hộ nhận khoán có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ nghĩa vụ với công ty, tôi có ý kiến: Gia đình tôi không ký hợp đồng với Công ty cổ phần Đông Triều mà yêu cầu thanh toán nghĩa vụ.

Tại bản tự khai ngày 19/12/2017, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Hứa Quang H và anh Hứa Quang T trình bày có nội dung: Như nội dung trình bày của Nguyễn Thị D trình bày ở trên. Năm 1994 hộ gia đình tôi được Nông trường Quốc Doanh Đông Triều giao đất theo hồ sơ giao khoán đất trồng cây vải thiều theo dự án 327 của Chính phủ đã khuyến khích các tổ chức cá nhân trồng cây phủ xanh đất trống, đồi trọc đã được miễn thuế từ năm 2003 đến năm 2010 (Lần 1). Trong thôn các hộ dân là cư dân địa phương là công nhân nông trường họ đã được miễn thuế. Tôi nghĩ đã là cùng một dự án thì mọi quyền lợi và nghĩa vụ phải giống nhau, không phân biệt công nhân hay nông dân. Về yêu cầu khởi kiện, buộc chủ hộ nhận khoán có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ nghĩa vụ với Công ty, tôi có ý kiến: Gia đình tôi không ký hợp đồng với Công ty cổ phần N mà yêu cầu thanh toán nghĩa vụ.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn và người liên quan phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản sau:

+ Tiền thuê đất là : 28.755.000đ (Hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng);

+ Tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng là: 5.049.276đ (Năm triệu không trăm

bốn chín nghìn hai trăm bảy sáu đồng);

+ *Tiền lãi là:* 10.237.733đ (Mười triệu hai trăm ba bảy nghìn bảy trăm ba ba đồng).

Tổng số tiền là: 44.041.896đ (Bốn mươi tư triệu không trăm bốn mươi một nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quan điểm hộ bà D không ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Nông trường Đông Triều, nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật:

Đối với Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng, cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ các Điều 501; 502; 503; 504; 505; 506; 507 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 106 Luật quản lý thuế; khoản 3 Điều 3 Luật số: 106/2016/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế.

Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn tiền thuê đất là: 28.755.000đ (Hai tám triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và số tiền lãi chậm nộp tính đến ngày xét xử (Ngày 04/10/2018) là: 9.136.023đ (Chín triệu một trăm ba mươi sáu nghìn không trăm hai ba đồng). Tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng là 5.049.276đ (Năm triệu không trăm bốn chín nghìn hai trăm bảy sáu đồng) và tiền tiền lãi do chậm nộp là 1.101.597đ (Một triệu một trăm linh một nghìn năm trăm chín bảy đồng). Tổng số tiền là: 44.041.896đ (Bốn mươi tư triệu không trăm bốn mươi một nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều nhận định:

[2]. *Về trình tự thủ tục tố tụng:*

Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh thụ lý vụ án dân sự số: 38/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng giao khoán đất trồng mới cây lâu năm theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quyền khởi kiện của nguyên đơn:

Nông trường Đông Triều là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số: 308/NN-TCCB-QĐ, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, ngày 07/5/1993. Đến ngày 19/7/2005 Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, quyết định số: 1776/QĐ-BNN-TCCB về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Nông trường Đông Triều thành Công ty cổ phần. Tên gọi đầy đủ là Công ty cổ phần Giống vật nuôi cây trồng Đông Triều, được hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Ngày 22/6/2016 nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Secoin Quảng Ninh và được đổi tên là Công ty Cổ phần Nông trường Đông Triều. Tại thời điểm ký hợp đồng hộ bà D gồm có ông Hứa Quang T chồng bà D, nhưng đã chết ngày 07/6/2017 và các con là Hứa Mạnh H và Hứa Mạnh T, cho nên bà D, anh H và anh T cũng đồng thời là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hứa Quang T. Vì vậy, Công ty Cổ phần N kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nông trường Đông Triều, khởi kiện bà Nguyễn Thị D và những người liên quan là anh Hứa Mạnh H và Hứa Mạnh T phải thực hiện các nghĩa vụ do vi phạm hợp đồng khoán đất trồng mới cây lâu năm số: 713/HĐK ngày 05/7/1999 là theo quy định điểm c khoản 2 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Đối với yêu cầu trả tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng:

Ngày 05/7/1999, bà Nguyễn Thị D, đại diện cho chủ hộ (hộ bà D tại thời điểm đó gồm có ông Hứa Quang T chồng bà D, nhưng đã chết ngày 07/6/2017 và các con là Hứa Mạnh H và Hứa Mạnh T) ký hợp đồng khoán đất trồng mới cây lâu năm số: 713/HĐK với Nông trường Đông Triều có nội dung giao cho hộ bà D tổng diện tích 2,13 ha gồm 01 khoảnh tại khu Núi 1, đội Triều Bình thuộc xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh và các quy định về nghĩa vụ trong hợp đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng và hiện đang sử dụng ổn định. Quá trình thực hiện, hộ bà Dung đã nộp sản phẩm nghĩa vụ hàng năm đến năm 2012. Hàng năm, đến thời điểm thu tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng, Công ty đều thông báo đến các hộ nhận khoán thông qua các tổ, đội sản xuất để các hộ thực hiện, nhưng từ năm 2013 cho đến nay hộ bà D không thực hiện nghĩa vụ đối với Công ty là vi phạm quy định về nộp nghĩa quản lý dự án 7% sản lượng bình quân hàng năm tại mục 2 Điều 3 của hợp đồng số 713/HĐK. Cho nên yêu cầu khởi kiện của Công ty là có căn cứ được chấp nhận. Vì vậy, bà Nguyễn Thị D, anh Hứa Mạnh H và Hứa Mạnh T phải thực hiện nộp tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng của từng năm như sau: Năm 2013 là: 116.457đ (Một trăm mười sáu nghìn bốn trăm năm bảy đồng); năm 2014 là: 485.212đ (Bốn trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm mười hai đồng); năm 2015 là: 2.887.940đ (Hai triệu tám trăm tám bảy nghìn chín trăm bốn mươi đồng); năm

2016 và 2017 mất mùa là: 00đ (Không đồng); năm 2018 là: 1.559.667đ (Một triệu năm trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm sáu bảy đồng). Tổng số tiền nghĩa vụ quản lý 7% vùng là 5.049.276đ (Năm triệu không trăm bốn chín nghìn hai trăm bảy sáu đồng).

Do chậm nộp tiền nghĩa vụ quản lý 7% vùng, cho nên còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán (Lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định tại quyết định số: 2868/QĐNHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm) số tiền là: 1.101.597đ (Một triệu một trăm linh một nghìn năm trăm chín bảy đồng).

[5]. *Đối với yêu cầu về tiền thuê đất:*

Theo quyết định số: 2240/QĐ-UBND ngày 29/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc cho Công ty cổ phần giống vật nuôi và cây trồng Đông Triều 2006 (Nay là Công ty cổ phần N) thuê đất giai đoạn 1 để phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản tại xã An Sinh, xã Bình Khê, xã Tràng Lương, Đông Triều diện tích 1.905.557,8m² với thời hạn 50 năm, kể từ ngày 19/7/2005 và Hợp đồng thuê đất số 403/HĐTD ngày 28/11/2013 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh với Công ty. Công ty đã thông báo tới toàn thể các hộ nhận khoán đến để sửa đổi nội dung hợp đồng, nhưng hộ bà Dung cũng không đến. Vị trí, diện tích đất của hộ bà Nguyễn Thị D nhận khoán theo hợp đồng số 713/HĐK, tổng diện tích 2,13 ha gồm 01 khoảnh tại khu Núi 1, đội Triều Bình thuộc xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh là thuộc đất của Công ty thuê đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, bà Nguyễn Thị D, anh Hứa Mạnh H và Hứa Mạnh T phải thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất đối với vị trí, diện tích thửa đất nhận khoán theo hợp đồng, theo giá thuê đất tại Quyết định số: 4821/QĐ-TC-QLTSC của Sở Tài chính Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 15/11/2013. Cụ thể số tiền phải thực hiện của từng năm như sau: Năm 2013 là: 3.195.000đ (Ba triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng); năm 2014 là: 3.195.000đ (Ba triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng); năm 2015 là: 5.591.250đ (Năm triệu năm trăm chín một nghìn hai trăm năm mươi đồng); năm 2016 là: 5.591.250đ (Năm triệu năm trăm chín một nghìn hai trăm năm mươi đồng); năm 2017 là: 5.591.250đ (Năm triệu năm trăm chín một nghìn hai trăm năm mươi đồng) và năm 2018 là: 5.591.250đ (Năm triệu năm trăm chín một nghìn hai trăm năm mươi đồng). Tổng số tiền thuê đất là 28.755.000đ (Hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Do chậm nộp tiền thuê đất nên còn phải chịu tiền lãi theo quy định của Luật Quản lý thuế, số tiền lãi chậm nộp đến ngày xét xử (ngày 04/10/2018) là: 9.136.023đ (Chín triệu một trăm ba mươi sáu nghìn không trăm hai ba đồng).

[5]. Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy, bà Nguyễn Thị D, anh Hứa Mạnh H và Hứa Mạnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 501; 502; 503; 504; 505; 506; 507 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 106 Luật quản lý thuế; khoản 3 Điều 3 Luật số: 106/2016/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế; Điều 17 Luật phí và lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị D, anh Hứa Mạnh H và Hứa Mạnh T phải trả cho Công ty cổ phần N số tiền thuê đất là: 28.755.000đ (Hai tám triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và số tiền lãi chậm nộp tính đến ngày xét xử (Ngày 04/10/2018) là: 9.136.023đ (Chín triệu một trăm ba mươi sáu nghìn không trăm hai ba đồng).

Kể từ ngày 05/10/2018, bà Nguyễn Thị D, anh Hứa Mạnh H và Hứa Mạnh T còn phải chịu tiền chậm nộp theo mức bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền thuê đất chậm nộp.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị D, anh Hứa Mạnh H và Hứa Mạnh T phải trả tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng cho Công ty cổ phần N là: 5.049.276đ (Năm triệu không trăm bốn chín nghìn hai trăm bảy sáu đồng) và tiền lãi do chậm nộp là: 1.101.597đ (Một triệu một trăm linh một nghìn năm trăm chín bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị D, anh Hứa Mạnh H và Hứa Mạnh T phải chịu 2.202.094đ (Hai triệu hai trăm linh hai nghìn không trăm chín tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Công ty cổ phần Đông Triều 666.000đ (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007233 ngày 03/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty cổ phần N, bà Nguyễn Thị D, anh Hứa Mạnh H và anh Hứa Mạnh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Nam